

Số : 25/QĐ-THVK

Mạo Khê, ngày 24 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán thu-chi ngân sách năm 2022
của trường tiểu học Vĩnh Khê

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH KHÊ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-PGDĐT ngày 05 tháng 01 năm 2022 của phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022”;

Căn cứ tình hình thực tế nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu-chi ngân sách năm 2022 của trường tiểu học Vĩnh Khê (đính kèm biểu số 02-dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2022 và biểu thuyết minh chi tiết nguồn NSNN năm 2022)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu nhà trường và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận :

- BGH nhà trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT

Phạm Thị Nguyệt

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH KHÊ

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 25/QĐ-THVK ngày 24/01/2022 của Hiệu trưởng trường tiểu học Vĩnh Khê)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.981
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	8.981
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.831
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	150

TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH KHÊ
CHƯƠNG 622 LOẠI 070 KHOẢN 072
MÃ SỐ QHNS: 1058389

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH CHI TIẾT DỰ TOÁN THEO NHÓM MỤC CHI NSNN NĂM 2022

ĐVT: Đồng

Nhóm chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
	<u>Tổng số</u>	<u>8.831.000.000</u>	<u>2.129.000.000</u>	<u>2.229.000.000</u>	<u>2.224.000.000</u>	<u>2.249.000.000</u>
<u>A</u>	<u>Kinh phí tự chủ</u>	<u>8.831.000.000</u>	<u>2.129.000.000</u>	<u>2.229.000.000</u>	<u>2.224.000.000</u>	<u>2.249.000.000</u>
<u>1</u>	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>7.186.450.000</u>	<u>1.746.000.000</u>	<u>1.776.000.000</u>	<u>1.833.450.000</u>	<u>1.831.000.000</u>
	Mục 6000	3.635.000.000	895.000.000	905.000.000	915.000.000	920.000.000
	Mục 6050	60.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000
	Mục 6100	2.380.000.000	580.000.000	590.000.000	600.000.000	610.000.000
	Mục 6200	27.450.000			27.450.000	
	Mục 6250	24.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
	Mục 6300	1.060.000.000	250.000.000	260.000.000	270.000.000	280.000.000
<u>2</u>	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>1.544.550.000</u>	<u>353.000.000</u>	<u>428.000.000</u>	<u>370.550.000</u>	<u>393.000.000</u>
	Mục 6500	195.000.000	50.000.000	50.000.000	45.000.000	50.000.000
	Mục 6550	202.550.000	50.000.000	50.000.000	52.550.000	50.000.000
	Mục 6600	52.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000
	Mục 6650	20.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
	Mục 6700	60.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000
	Mục 6750	120.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
	Mục 6900	320.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000

	Mục 6950	50.000.000	-	20.000.000	30.000.000	-
	Mục 7000	510.000.000	110.000.000	150.000.000	100.000.000	150.000.000
	Mục 7050	15.000.000		15.000.000		
3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>100.000.000</u>	<u>30.000.000</u>	<u>25.000.000</u>	<u>20.000.000</u>	<u>25.000.000</u>
	Mục 7750	100.000.000	30.000.000	25.000.000	20.000.000	25.000.000

Mạo Khê, ngày 24 tháng 01 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Nguyệt